

QUYẾT ĐỊNH
Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bình Thuận;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị của Bệnh viện Phổi ngày 15/10/2024 về việc xếp cấp chuyên môn kỹ thuật cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định xếp cấp chuyên môn kỹ thuật ngày 25/12/2024 về việc xếp cấp chuyên môn kỹ thuật đối với Bệnh viện Phổi;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp Vụ - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp cấp chuyên môn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cụ thể như sau:

- Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện Phổi
- Địa chỉ: Số 3B Nguyễn Hội, Phú Trinh, Phan Thiết, Bình Thuận.
- Cấp chuyên môn kỹ thuật: Cấp cơ bản

Điều 2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 được thực hiện các kỹ thuật theo cấp chuyên môn được phê duyệt đảm bảo theo các quy định của Pháp luật.

Điều 3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm duy trì cấp chuyên môn kỹ thuật đã được phê duyệt hoặc đề nghị xem xét cấp mới chuyên môn kỹ thuật, Sở Y tế sẽ thẩm định lại theo các quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

Điều 5. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các Phòng chuyên môn thuộc Sở Y tế và Giám đốc Bệnh viện Phổi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các PGĐ SYT (biết);
- Trang thông tin điện tử SYT;
- Lưu: VT, NV. Tuấn.

GIÁM ĐỐC

Đặng Thức Anh Vũ



PHỤ LỤC V

BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM XẾP CẤP CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT

(kèm theo Công văn số 738 /BVP-BC ngày 15/10/2024 của Bệnh viện Phổi)

A. BẢNG TIÊU CHÍ VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

STT	NHÓM TIÊU CHÍ VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM CHUẨN	BV TỰ CHẤM	GHI CHÚ
I	NĂNG LỰC CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN	65 điểm	19	
1	Năng lực thực hiện kỹ thuật	Tối đa 35 điểm	<u>12</u>	
1.1	<i>Năng lực thực hiện kỹ thuật loại đặc biệt</i>		4	
a	Tỷ lệ các kỹ thuật loại đặc biệt bệnh viện được phê duyệt đạt từ 80% trở lên	10 điểm		
b	Tỷ lệ các kỹ thuật loại đặc biệt bệnh viện được phê duyệt đạt từ 60% đến dưới 80%	8 điểm		
c	Tỷ lệ các kỹ thuật loại đặc biệt bệnh viện được phê duyệt đạt từ 40% đến dưới 60%	6 điểm		
d	Tỷ lệ các kỹ thuật loại đặc biệt bệnh viện được phê duyệt đạt dưới 40%	4 điểm	4	Có 39 kỹ thuật loại đặc biệt bệnh viện được SYT phê duyệt/14.433 kỹ thuật theo TT43 của BYT, chiếm tỷ lệ 0,27%
1.2	<i>Năng lực thực hiện kỹ thuật loại I</i>		4	
a	Tỷ lệ các kỹ thuật loại I bệnh viện được phê duyệt đạt từ 80% trở lên	10 điểm		
b	Tỷ lệ các kỹ thuật loại I bệnh viện được phê duyệt đạt từ 60% đến dưới 80%	8 điểm		
c	Tỷ lệ các kỹ thuật loại I bệnh viện được phê duyệt đạt từ 40% đến dưới 60%	6 điểm		



d	Tỷ lệ các kỹ thuật loại I bệnh viện được phê duyệt đạt dưới 40%	4 điểm	4	Có 140 kỹ thuật loại I bệnh viện được SYT phê duyệt/14.433 kỹ thuật theo TT43 của BYT, chiếm tỷ lệ 0,97%
1.3	Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn		4	
a	Tỷ lệ các kỹ thuật bệnh viện được phê duyệt đạt từ 80% trở lên tổng số kỹ thuật thuộc danh mục do Bộ Y tế ban hành	10 điểm		
b	Tỷ lệ các kỹ thuật bệnh viện được phê duyệt đạt từ 60% đến dưới 80% tổng số kỹ thuật thuộc danh mục do Bộ Y tế ban hành	8 điểm		
c	Tỷ lệ các kỹ thuật bệnh viện được phê duyệt đạt từ 40% đến dưới 60% tổng số kỹ thuật thuộc danh mục do Bộ Y tế ban hành	6 điểm		
d	Tỷ lệ các kỹ thuật bệnh viện được phê duyệt đạt dưới 40% tổng số kỹ thuật thuộc danh mục do Bộ Y tế ban hành	4 điểm	4	Bệnh viện được SYT phê duyệt 812 kỹ thuật/14.433 kỹ thuật theo TT43 của BYT, chiếm tỷ lệ 5,63%
1.4	Được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện (bao gồm cả thực hiện thí điểm) kỹ thuật mới, phương pháp mới theo quy định tại Điều 92 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	5 điểm	0	
2	Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng lâm sàng	Tối đa 10 điểm	0	
2.1	Chủ trì xây dựng ít nhất 3 tiêu chuẩn chất lượng lâm sàng	10 điểm	0	
2.2	Chủ trì xây dựng ít nhất 1 tiêu chuẩn chất lượng lâm sàng	5 điểm	0	
3	Có thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng lâm sàng	5 điểm	0	
4	Trình độ chuyên môn	Tối đa 15 điểm	7	
4.1	Các trưởng khoa và phó trưởng khoa		1	
a	60% trở lên có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	5 điểm		
b	Từ 30% đến dưới 60% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	3 điểm		

c	Dưới 30% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	1 điểm	1	Có 01 Bác sĩ CKII Lao trên tổng số 29 viên chức giữ chức vụ trưởng/ phó các khoa/ phòng, chiếm tỷ lệ 3,4%
4.2	Bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng		5	
a	Trên 50% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	5 điểm	5	Có 09 Bác sĩ CKI trên tổng số 18 bác sĩ tham gia công tác điều trị ở các khoa lâm sàng, chiếm tỷ lệ 50%.
b	Từ 30 - 50% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	3 điểm		
c	Dưới 30% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	1 điểm		
4.3	Điều dưỡng trưởng, hộ sinh trưởng, kỹ thuật viên trưởng các khoa lâm sàng		1	
a	60% trở lên có trình độ sau đại học	5 điểm		
b	Từ 30% đến dưới 60% có trình độ sau đại học	3 điểm		
c	Dưới 30% có trình độ sau đại học	1 điểm	1	Có 01 điều dưỡng CKI trên tổng số 04 điều dưỡng trưởng ở các khoa lâm sàng, chiếm 25%.
II	NĂNG LỰC THAM GIA ĐÀO TẠO THỰC HÀNH Y KHOA	Tối đa 15 điểm	0	
1	Cơ sở thực hành của cơ sở giáo dục trong đào tạo khối ngành sức khỏe có đào tạo trình độ chuyên khoa, nội trú, thạc sĩ, tiến sĩ	15 điểm		
2	Cơ sở thực hành của cơ sở giáo dục trong đào tạo khối ngành sức khỏe có đào tạo trình độ đại học	10 điểm		
3	Cơ sở thực hành của cơ sở giáo dục trong đào tạo khối ngành sức khỏe có đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp	5 điểm		
III	NĂNG LỰC THAM GIA HỖ TRỢ KỸ THUẬT CHO CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH KHÁC	Tối đa 10 điểm	0	
1	Chuyên gia kỹ thuật loại đặc biệt	Tối đa 5 điểm	0	

TỈNH
BỆNH VIỆN
PHỔ
HÌNH

1.1	Chuyển giao được 02 kỹ thuật loại đặc biệt trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	5 điểm		
1.2	Chuyển giao được trên 02 kỹ thuật loại đặc biệt trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm		
2	Chuyển giao kỹ thuật loại I	Tối đa 5 điểm	0	
2.1	Chuyển giao được 02 kỹ thuật loại I trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	5 điểm		
2.2	Chuyển giao được trên 02 kỹ thuật loại I trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm		
IV	NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ Y HỌC	Tối đa 10 điểm	2	
1	Đề tài nghiên cứu khoa học	Tối đa 4 điểm	2	
1.1	Có ít nhất 1 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	4 điểm		
1.2	Có ít nhất 1 nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc sáng kiến cấp Bộ, cấp tỉnh trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	3 điểm		
1.3	Có ít nhất 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm	2	- Năm 2022: QĐ số 2646/QĐ-SYT ngày 28/11/2022 của SYT Bình Thuận công nhận BVP có 09 đề tài được công nhận đề tài NCKH cấp cơ sở - Năm 2023: QĐ số 2471/QĐ-SYT ngày 30/11/2023 của SYT Bình Thuận công nhận BVP có 07 đề tài được công nhận đề tài NCKH cấp cơ sở
2	Nhân viên là tác giả thứ nhất của bài báo khoa học	Tối đa 2 điểm	0	
2.1	Nhân viên là tác giả thứ nhất của bài báo khoa học quốc tế trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm		
2.2	Nhân viên là tác giả thứ nhất của bài báo khoa học trong nước trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	1 điểm		

3	Chủ trì các thử nghiệm lâm sàng trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm	0	
4	Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học	Tối đa 2 điểm	0	
4.1	Có tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2 điểm		
4.2	Có tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước trong thời gian 02 năm tính đến thời điểm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	1 điểm		
	Tổng	100 điểm	21	

